

Số: **740/QĐ-UBND**

Nghệ An, ngày 29 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể
phát triển kinh tế - xã hội huyện Con Cuông đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020; Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 204/TTr-SKHĐT ngày 28/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Con Cuông đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển huyện Con Cuông phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015 và Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013;

2. Huy động tối đa các yếu tố về nguồn lực trong huyện đồng thời có chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài; chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp chiều rộng với từng bước phát triển theo chiều sâu, dựa vào khai thác tiềm năng lợi thế của huyện để "*Tập trung cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển nhanh, bền vững, phát triển mạng lưới đô thị và điểm dân cư tập trung kiểu đô thị theo hướng sinh thái, gắn với vành đai nông thôn; phát triển*

vùng nông thôn theo hướng văn minh, bảo tồn được các giá trị văn hoá của các thôn, bản; làm tiền đề để phát triển đô thị theo hướng sinh thái”;

3. Ưu tiên phát triển sản xuất vùng nguyên liệu, phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái, di tích lịch sử và phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản. Lấy chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường làm mục đích hàng đầu. Chú trọng đầu tư ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ về khoa học kỹ thuật và công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất, đầu tư các chương trình mũi nhọn để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế;

4. Gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện các chính sách xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. Ưu tiên đầu tư cho những vùng còn khó khăn: vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người để có bước phát triển nhanh hơn, đảm bảo sự tiến bộ đồng đều giữa các vùng. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đảm bảo môi trường ổn định cho sự nghiệp phát triển kinh tế.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phần đầu đến năm 2020 “*Xây dựng Con Cuông trở thành huyện khá toàn diện; đời sống mọi mặt của nhân dân tăng lên, thu nhập bình quân đầu người đạt mức trung bình của tỉnh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng; giữ vững ổn định xã hội và quốc phòng an ninh. Hạ tầng giao thông, đô thị, kinh tế, văn hoá được nâng lên một bước. Tạo tiền đề vững chắc hướng đến trở thành đô thị sinh thái và trung tâm kinh tế, văn hoá của vùng Tây Nam tỉnh Nghệ An*”.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu phát triển kinh tế

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13-14%/năm, trong đó Nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 6,58%; Công nghiệp - xây dựng tăng 17,62%; Dịch vụ tăng 17,5%.

- Cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp, thủy sản: 29,20%; Công nghiệp - xây dựng: 24,36%; Dịch vụ - thương mại: 46,44%.

- Tổng sản lượng lương thực đạt khoảng 34.000 tấn - 35.000 tấn.

- Tập trung phát triển vùng sản xuất cây nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến, như: Chè 450-500 ha, đồng thời quy hoạch vùng sản xuất chè ứng dụng công nghệ cao 100 ha; mía 800-100 ha; sản nguyên liệu 800 -1000 ha, Cam 250 -300 ha, sản lượng 2.000 tấn cam sạch bệnh, có mẫu mã và chất lượng thích ứng kịp thời với yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Bố trí phát triển cây chanh, bưởi khoảng 150-200 ha.

- GTTT bình quân đầu người năm 2020 (theo giá HH): 55,0 triệu đồng.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: đạt khoảng 100-120 tỷ đồng đến năm 2020 (tỷ lệ huy động 2,5% VA).
- Huy động vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 9.312 tỷ đồng.

2.2. Mục tiêu xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm 1,1%. Giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho trên 1.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% năm 2020;
- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 4-5%;
- Phần đầu 100% số trường mầm non, 100% trường tiểu học, 50% trường trung học cơ sở và 50% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.
- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế là 76,9% (10/13 xã, thị trấn).
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 15% năm 2020;
- Phần đầu đến năm 2020: có 100% các thôn, bản có điện lưới quốc gia, trên 98% số hộ được dùng điện lưới quốc gia, 100% số xã, thôn bản được phủ sóng FM;
- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa: 65-70%; tỷ lệ làng, bản văn hóa đạt 60- 65%; 4 xã có thiết chế văn hóa - thông tin, thể thao đạt tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2.3. Về xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

- Xây dựng Con Cuông xanh, sạch, đẹp, văn minh. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị được xây dựng đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh - xã hội, tạo tiền vững chắc hướng tới trở thành đô thị sinh thái.
- Đẩy nhanh việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, văn hóa xã hội, gắn với xây dựng các điểm du lịch sinh thái, văn hóa trên địa bàn, theo nguyên tắc gắn công trình riêng lẻ với tổng thể kiến trúc đô thị, đảm bảo tôn trọng, kết hợp hài hòa các công trình mang tính lịch sử và tương lai, phù hợp yêu cầu phát triển đô thị sinh thái trong tương lai.
- Phát triển hệ thống giao thông kết nối các khu chức năng đảm bảo thông suốt, phần đầu đến năm 2020 hình thành cơ bản các tuyến trục kết nối chính, các khu chức năng trong khu vực đô thị.
- Đảm bảo nguồn nước, xây dựng hệ thống cấp nước, đảm bảo trên 85% dân số được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và phần đầu tỷ lệ người dân đô thị được dùng nước sạch đạt trên 80%.
- Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước nhất là khu vực đô thị, đến năm 2020 trên 80% nước thải sinh hoạt được xử lý. Cơ bản thu gom và xử lý trên 95% rác thải khu vực đô thị và trên 85% rác thải ở khu vực khác.
- Phát triển mạng lưới vườn hoa, cây xanh, công viên, phần đầu nâng diện

tích cây xanh đạt 10-15m²/người vào năm 2020.

2.4. Về xây dựng nông thôn mới

- Mục tiêu phấn đấu năm 2020, toàn huyện có 4 xã hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới gồm: Yên Khê, Chi Khê, Bồng Khê và Lục Dạ.

- Các xã còn lại phấn đấu hoàn thành từ 1-2 tiêu chí/năm, để đạt mục tiêu:

+ Số xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên gồm có từ 3-4 xã.

+ Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí gồm có 2-3 xã.

+ Số xã đạt 7 - 9 tiêu chí gồm có 1-2 xã.

2.5. Mục tiêu bảo vệ môi trường

Nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng của độ che phủ đạt 80% vào năm 2020. Đảm bảo môi trường sạch cho cả khu vực đô thị và nông thôn: 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; trên 90% rác thải được thu gom, xử lý vào năm 2020.

2.6. Về quốc phòng, an ninh

Kết hợp phát triển kinh tế với xây dựng quốc phòng vững mạnh, bảo đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bảo đảm ổn định vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tạo bước chuyển biến mới rõ rệt về trật tự, an toàn xã hội, nếp sống đô thị, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Xây dựng Con Cuông thành khu vực phòng thủ vững chắc.

III. CÁC MŨI ĐỘT PHÁ VÀ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

1. Các khâu đột phá

- *Thứ nhất:* Ứng dụng khoa học công nghệ cao để tập trung phát triển một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với việc phát triển công nghiệp chế biến (như tre nứa, gỗ...); vật liệu xây dựng (gạch không nung); thủy điện vừa và nhỏ.

- *Thứ hai:* Tập trung đầu tư và liên kết với các huyện trong vùng để phát triển mạnh du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch nghiên cứu, trải nghiệm và du lịch cộng đồng. Chú trọng công tác quảng bá hình ảnh du lịch của huyện. Đặt mục tiêu xây dựng du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Đây là nhiệm vụ quan trọng và xuyên suốt trong giai đoạn 2016-2020 của huyện.

- *Thứ ba:* Tạo bước chuyển căn bản về xây dựng hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị có tính liên kết với việc phát triển du lịch.

2. Hướng ưu tiên phát triển

- Về công nghiệp chế biến

Vì xuất phát điểm kinh tế còn thấp, Con Cuông rất cần có sự thay đổi toàn cục về ngành công nghiệp trong đó đặc biệt chú trọng khai thác, chế biến, tiêu thụ các loại tài nguyên mà Con Cuông có lợi thế so sánh. Đầu tư áp dụng kỹ thuật tiên

tiến vào các cơ sở, nhà máy chế biến hiện có để ổn định sản xuất kinh doanh. Tiến tới xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp nhỏ-khoảng 10-15 ha/cụm để phát triển công nghiệp khai thác, chế biến nông - lâm sản. Phần đầu đưa ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

- Đột phá xây dựng phát triển đô thị

Trước hết, tập trung đầu tư xây dựng khu vực trung tâm đô thị Con Cuông (theo quy hoạch thị xã và bên cạnh đó tạo tiền đề để phát triển thị trấn khe Choảng xã Châu Khê, các thị tứ, trung tâm cụm xã, gắn với các trục đường chính nhằm bố trí lại cơ cấu lao động, thu hút ngày càng nhiều lao động nông nghiệp vào công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ- thương mại, tiến tới thành lập thị xã theo hướng sinh thái.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

+ Với xuất phát điểm của Con Cuông thấp, trong đó hạn chế nhất là phát triển hệ thống hạ tầng. Để đáp ứng nhu cầu quy hoạch phát triển mới, việc đầu tư cho kết cấu hạ tầng cũng là khâu đột phá nên cần ưu tiên phát triển.

+ Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ ở cả đô thị và nông thôn, trong đó ưu tiên cho các công trình gắn kết với việc xây dựng các khu vực đô thị của huyện để tạo động lực phát triển.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu các ngành và sản phẩm chủ lực

Với nhiều tiềm năng, lợi thế chưa được khai thác hoặc khai thác chưa hiệu quả và với những cơ hội phát triển dự báo thuận lợi trong thời kỳ tới, phát triển ngành, sản phẩm chủ lực được xác định là mũi nhọn đột phá trong phát triển kinh tế -xã hội của huyện trong thời kỳ đến năm 2020:

IV. XÁC ĐỊNH LỘ TRÌNH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ CON CUÔNG

1. Lộ trình xây dựng đô thị Con Cuông theo hướng sinh thái

Theo lộ trình và bước đi giai đoạn từ nay đến năm 2020 và 2021-2025 Con Cuông sẽ từng bước hình thành các chức năng, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu xây dựng đô thị loại 4 đến năm 2020, tạo tiền đề vững chắc để hướng đến thành lập đô thị sinh thái thời kỳ tiếp theo.

2. Các tiêu chí chủ yếu để xây dựng Con Cuông thành đô thị theo hướng sinh thái đến năm 2020

a) *Chức năng đô thị*: Phần đầu đến năm 2020, Con Cuông là trung tâm kinh tế, văn hóa, đầu mối giao thông vùng Tây Nam của tỉnh, phát triển theo quy mô vùng, nhất là các dịch vụ y tế, đào tạo nghề, du lịch.... Có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nam Nghệ An. Đạt 80% so với tiêu chí đô thị loại 4 (thị xã).

b) *Quy mô dân số*: 72.890 người, đảm bảo tiêu chí.

c) *Mật độ dân số khu vực nội thị*: 855 người/km²

d) *Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực trung tâm huyện*: đạt trên 70% so với tổng số lao động.

e) *Hệ thống các công trình hạ tầng*: đạt 75% tiêu chí

- Khu vực trung tâm: được xây dựng từng mặt tiến tới đồng bộ và hoàn chỉnh; các cơ sở sản xuất, xây dựng được áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường.

- Trung tâm các xã từng mặt được đầu tư xây dựng tiến tới đồng bộ; thuận lợi cho việc phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp công nghệ sạch, vùng xanh và các vùng cảnh quan sinh thái.

g) *Đảm bảo kiến trúc, cảnh quan, không gian xây dựng*: Được phát triển theo quy hoạch xây dựng và sự đa dạng sinh học của đô thị.

V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Phát triển ngành dịch vụ, thương mại

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ lợi thế: thương mại, du lịch, dịch vụ y tế, đào tạo nghề đồng thời mở rộng phát triển thị trường hàng hóa, vật tư, tín dụng, đầu tư và các loại hình dịch vụ khác với quy mô vùng để phát triển các chức năng đô thị, trở thành thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của vùng Tây Nam Nghệ An.

- *Thương mại*: Từng bước xây dựng và tổ chức lại theo hướng thu gom đầu mối, phát triển đại lý cấp 1, cấp 2; xây dựng siêu thị tổng hợp, hệ thống nhà hàng, khách sạn ở trung tâm phần đầu giai đoạn 2016-2020 mức tăng tổng mức hàng hóa bán lẻ bình quân hàng năm đạt từ 18-20%. Phát triển có trọng điểm các trung tâm thương mại (thị trấn hiện tại), hoàn thành đầu tư xây dựng tổ hợp dịch vụ thương mại và nhà ở Tecco tại thị trấn. Xây dựng và hình thành các tụ điểm, trung tâm thương mại ở thị tứ và những nơi có quy hoạch phát triển dịch vụ du lịch.

- *Dịch vụ du lịch*: Tạo bước phát triển mạnh mẽ và bền vững cho du lịch, khẳng định vai trò du lịch là một ngành kinh tế quan trọng của huyện trong giai đoạn tới. Tập trung khai thác du lịch sinh thái vườn Quốc gia Pù Mát và khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống; thu hút đầu tư xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Pha Lại và bản Cò phạ xã Môn Sơn; Tạ Bó, Thác Kèm (Yên Khê). Xây dựng các tua, tuyến, điểm du lịch trên địa bàn gắn kết với các tuyến du lịch của tỉnh. Phát triển du lịch sinh thái gắn với du lịch cộng đồng, các điểm du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh; Bảo tồn và xây dựng các di tích lịch sử (di tích lịch sử quốc gia Bia Ma Nhai, Khu di tích nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên Miền Tây Nghệ An). Xây dựng bản làng du lịch cộng đồng, phát triển hệ thống khách sạn, nhà hàng; những tụ điểm, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí; phát triển ngành nghề truyền

thông và khai thác thêm một số sản phẩm đặc trưng tạo sự hấp dẫn để phục vụ khách du lịch. Phần đầu Con Cuông trở thành một trong những trung tâm du lịch của miền Tây Nghệ An, có cơ sở vật chất, kỹ thuật tương xứng với điểm đến hấp dẫn trong tỉnh.

- *Phát triển dịch vụ khác*: Ưu tiên phát triển dịch vụ Y tế, đào tạo nghề đồng thời phát triển đồng bộ các loại hình dịch vụ kinh doanh tài chính, tín dụng, đầu tư, bảo hiểm, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, tư vấn...

2. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Tiếp tục huy động các nguồn lực cho phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản, đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất (công trình thủy lợi, cơ sở cung cấp giống, khuyến nông, khuyến lâm, thú y, ...). Tạo chuyển biến mạnh về sản xuất nông, lâm, thủy sản có năng suất, chất lượng cao; hình thành được một số thương hiệu sản phẩm; tăng giá trị sản phẩm và thu nhập trên diện tích đất canh tác. Tỷ trọng giá trị sản xuất các cây trồng, vật nuôi áp dụng quy trình kỹ thuật tiêu chuẩn trong nước, quốc tế (VietGAP, GlobalGAP) đạt trên 40% đến 2020.

- Nhân rộng các mô hình kinh tế trang trại, gia trại, mô hình kinh tế vườn đồi, vườn rừng, tổ hợp tác sản xuất có hiệu quả cao. Ban hành cơ chế chính sách ưu đãi hỗ trợ nông dân xây dựng và phát triển thương hiệu nông, lâm, thủy sản hàng hóa, đặc sản của địa phương.

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng nông - lâm - thủy sản bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 6,58%. Tỷ trọng trong cơ cấu ngành kinh tế chiếm 29,2% đến năm 2020.

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng đưa GTSX ngành chăn nuôi chiếm khoảng 46% vào năm 2020.

- Phần đầu đến năm 2020: Sản lượng lương thực đạt khoảng 34.000 tấn - 35.000 tấn (trong đó lúa khoảng 22.319 tấn); tổng đàn trâu, bò đạt 39.500 con; sản lượng thịt hơi 6.250 tấn; tổng sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng đạt 550 tấn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 80% vào năm 2020.

2.1. Về phát triển nông nghiệp

* *Trồng trọt*: Tiếp tục phát triển các cây lương thực (lúa, ngô) theo hướng thâm canh cao, đưa nhanh các loại giống có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất để tăng hiệu quả sản xuất; phát triển các sản phẩm chủ lực của huyện, tạo thương hiệu riêng. Đồng thời đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung gắn với chế biến; các vùng sản xuất thực phẩm sạch, an toàn. Phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (trang trại ứng dụng công nghệ cao, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ...).

* *Chăn nuôi*: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trên tất cả các tiểu vùng và phát triển đa dạng về chủng loại; đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng chất lượng đàn giống (trồng cỏ, thụ tinh nhân tạo, xây dựng chuồng trại...), trong đó xác định bò là con đại gia súc cần phát triển thành sản phẩm chủ lực. Theo đó, cần mở rộng diện tích trồng cỏ phục vụ chăn nuôi, hình thành các trang trại chăn nuôi và vỗ béo bò. Ngoài ra, nghiên cứu đưa giống bò Mông, bò Úc nuôi tại Con Cuông. Khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại quy mô tập trung để thuận lợi cho việc thực hiện các biện pháp chăn nuôi tiên tiến; nghiên cứu bảo tồn, phát triển các giống vật nuôi bản địa, có giá trị và tiềm năng thương mại, tạo thành các sản phẩm hàng hóa, hướng vào phát triển một số con đặc sản theo nhu cầu thị trường, có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện của địa phương như: gà đồi; vịt bầu, lợn đen, dê gắn với du lịch đô thị sinh thái, mang màu sắc miền núi theo hướng quy mô tăng dần theo từng năm...

Đẩy mạnh việc đầu tư đưa chuồng trại chăn nuôi ra khỏi khu vực dân cư, tăng cường công tác thú y đề phòng, chống bệnh dịch, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường, sinh thái.

2.2. Về phát triển lâm nghiệp

Khoanh nuôi, kết hợp bảo vệ rừng và trồng mới rừng lấy gỗ để phát triển vốn rừng, tăng độ che phủ, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển mạnh sản xuất nông lâm kết hợp để tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Đồng thời, nghiên cứu và có kế hoạch khai thác, bảo tồn, làm giàu các cây thuốc tự nhiên; các giống cây bản địa có giá trị và tiềm năng thương mại, tạo thành các sản phẩm hàng hóa như: cây mây, mét, gừng, dong riềng; nghiên cứu xây dựng các vùng nguyên liệu chuyên trồng cây dược liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến dược liệu, thực phẩm chức năng, như phát triển các giống cây Sa nhân, thiên niên kiện, thổ phục linh, trà hoa vàng, đinh lăng...

- Phát triển sản xuất rừng lấy gỗ lớn với quy mô khoảng 5.000 ha theo 2 hướng:

+ *Hướng thứ nhất*: Trên cơ sở diện tích rừng đã trồng, xây dựng cơ chế chính sách để hỗ trợ và áp dụng các biện pháp kỹ thuật để khai thác tía, quản lý chăm sóc, bảo vệ với diện tích khoảng 2.500 ha.

+ *Hướng thứ hai*: Trồng mới 2.500 ha những nơi có điều kiện, có cơ chế hỗ trợ cho người dân. Tập trung phát triển chủ yếu tại 3 chủ rừng (Vườn quốc gia Pù Mát, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Con Cuông, Ban quản lý Rừng Phòng hộ).

- Thực hiện tốt nhiệm vụ khoanh nuôi, chăm sóc, bảo vệ vốn rừng hiện có. Kết hợp trồng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng với chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò, dê). Phân đầu mỗi năm trồng mới rừng trên 1.000 ha, tăng diện tích đất lâm nghiệp có rừng đến năm 2020 lên 136.600 ha, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng lên 80% vào năm 2020.

- Thực hiện các dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn (Jica tài trợ); dự án bảo tồn và phát triển khu dự trữ sinh quyển Thế giới miền Tây Nghệ An (Pù Mát, Pù Huông); dự án quản lý đất lâm nghiệp thông qua quản lý rừng tự nhiên bền vững.

2.3. Về phát triển thủy sản

Tận dụng diện tích mặt nước ao, hồ, đập, sông, suối và mặt nước ruộng đồng để nuôi cá nước ngọt, đặc biệt chú trọng nuôi trồng thủy sản trong các ao hồ và tăng cường nuôi cá lồng trên các hồ đập thủy điện với các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, trong nuôi trồng cần chú trọng công tác bảo vệ môi trường để tránh bị ô nhiễm, phát triển các hình thức nuôi sạch, nuôi sinh thái, luân canh, xen canh, phục hồi các loài bản địa có giá trị như: cá mát, cá lăng, cá leo, chạch... Xây dựng kế hoạch khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên sông, các hồ chứa, các đập, khe, suối...

Phần đầu hàng năm có khoảng 60 ha nuôi thâm canh, đến năm 2020 diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 140 ha, 100 bè nuôi cá lồng, sản lượng nuôi trồng 500 tấn/năm.

3. Ngành công nghiệp - xây dựng

- Đẩy mạnh phát triển các ngành có lợi thế và khả năng khai thác tại địa phương như: khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống, cơ khí sửa chữa, may mặc dân dụng, dệt may sản phẩm thô cầm, đan lát...

- Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất VLXD, tuy nhiên sẽ từng bước giảm dần các ngành công nghiệp khai khoáng và tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp cơ khí, điện tử, chế biến sâu sản phẩm nông, lâm sản; phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, khuyến khích phát triển TTCN nông thôn.

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 là 17,62 %.

- Đến 2020 cơ cấu ngành CN-XD đạt 24,4%. Cơ cấu nội ngành: Công nghiệp 23,7% và xây dựng 76,3 %.

a) Phát triển ngành công nghiệp:

** Đối với công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng:*

- Rà soát quy hoạch, tổ chức quản lý chặt chẽ khai thác cát, sỏi, đá xây dựng, đảm bảo sản xuất an toàn, bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu thị trường, những điểm khai thác không đủ điều kiện thì đóng cửa. Trước mắt, rà soát lại nguồn nguyên liệu đá xây dựng tại các điểm: Bản Mết (Bình Chuẩn), thôn Vĩnh Hoàn (Bồng Khê)... để đầu tư khai thác. Khai thác cát sỏi trên các dòng sông một cách hợp lý nhất, gắn với bảo vệ môi sinh, môi trường.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư xây dựng mới các nhà máy gạch:
- + Nghiên cứu xây dựng nhà máy gạch không nung có năng lực khá để đáp ứng nhu cầu xây dựng cho các huyện vùng Tây Nam.
- + Nghiên cứu để đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynel tại cụm công nghiệp thôn Tân Lập xã Bồng Khê, công suất 8-10 triệu viên/năm, nhằm tạo ra sản phẩm mới chất lượng cao, phù hợp nhu cầu thị hiếu người tiêu dùng. Ngoài ra, phát triển sản xuất gạch không nung tại các xã có điều kiện và tại các xã vùng sâu, vùng xa để phục vụ nhu cầu xây dựng tại chỗ.

** Công nghiệp chế biến nông, lâm sản:*

- Chế biến nông sản thực phẩm: Khuyến khích phát triển các nghề chế biến truyền thống trong dân, tại các làng có nghề tập trung hiện có và chế biến, sản xuất các sản phẩm đặc sản...
- Công nghiệp chế biến lâm sản: Duy trì ổn định các cơ sở chế biến lâm sản hiện có. Đồng thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo vùng nguyên liệu ổn định, tập trung vùng nguyên liệu gỗ cho các nhà máy chế biến ván ép thanh. Nghiên cứu để xây dựng nhà máy sản xuất chế biến gỗ than củi sạch xuất khẩu.
- Nghiên cứu đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến chè chất lượng cao, quy mô công suất 5.000 tấn chè khô/năm.

** Cơ khí, sửa chữa điện tử:*

Giai đoạn trước mắt ở vùng trung tâm huyện hình thành các cơ sở gia công cơ khí và sửa chữa máy công cụ. Từng bước đáp ứng yêu cầu cơ giới hoá nông nghiệp nông thôn trên địa bàn. Đồng thời, hình thành tập trung các điểm sửa chữa điện tử ở thị trấn và các điểm dân cư tập trung.

** Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề:*

- Phát triển tiểu thủ công, làng nghề kết hợp với du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng. Trước mắt cần củng cố và đầu tư phát triển các làng có nghề hiện có về quy mô và chất lượng sản phẩm như: nghề mây tre đan ở các xã: Bình Chuẩn, Mậu Đức, Đôn Phục; nghề dệt thổ cẩm tại Bản Yên Thành (Lục Dạ), bản Liên Đình (Chi Khê), Kê Sùng, Kê Trảng (Mậu Đức), làng Xiềng (Môn Sơn), bản Nua (Yên Khê) và làng nghề thủ công mỹ nghệ ở thị trấn. Từng bước khôi phục và phát huy các làng có nghề truyền thống ở các xã, khuyến khích các HTX, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển các làng có nghề. Phần đầu có từ 2-3 làng nghề được UBND tỉnh công nhận. Đồng thời hình thành thêm một số làng để sản xuất bún, bánh, đồ mộc mỹ nghệ, sản xuất công cụ cầm tay tại các xã phục vụ tại chỗ.
- Đầu tư sản xuất hàng đồ mộc cao cấp tại Thị trấn, hàng thủ công mỹ nghệ theo hướng tăng dần tỷ trọng chi phí lao động trong tổng giá thành sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị hiếu tiêu dùng ngày càng cao, tiết kiệm nguyên vật liệu.

- Xây dựng tại Thị trấn: Trung tâm giới thiệu các sản phẩm về các ngành nghề thủ công mỹ nghệ, làng nghề dệt may các sản phẩm thổ cẩm, mây tre đan... để quảng bá sản phẩm ra bên ngoài.

- Tăng cường thu hút đầu tư hình thành cụm CN-TTCN tập trung tại xã Bồng Khê nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường.

*** Công nghiệp điện, nước**

- Sản xuất điện:

Con Cuông có nhiều tiềm năng để xây dựng các nhà máy thủy điện. Hiện đang xây dựng thủy điện Khe Choảng- xã Châu Khê công suất 4 MW và thủy điện Chi Khê công suất 41 MW dự kiến đến năm 2016 hoàn thành đưa vào sử dụng, mỗi năm sản xuất được 45 triệu KW giờ. Trong thời kỳ quy hoạch, tiếp tục thực hiện xây dựng hoàn thành thủy điện Khe Choảng, Khe Thơi và triển khai quy hoạch xây dựng thủy điện Chi Khê, công suất 41 MW. Phấn đấu đến năm 2020, mỗi năm sản xuất được 100 triệu KW giờ.

- Sản xuất nước:

Lập dự án đầu tư: Nâng công suất của nhà máy nước Thị trấn từ 1000 m³/ngày đêm lên 3.000 đến 5.000 m³/ngày đêm.

Nghiên cứu xây dựng mới các nhà máy nước Châu Khê đạt công suất 2000 - 3000 m³/ ngày đêm; nhà máy nước thị tứ Mậu Đức, thị tứ Môn Sơn mỗi nhà máy đạt 500 m³/ ngày đêm vào năm 2020; Ngoài ra còn đầu tư một số trạm cấp nước nhỏ khác (150 - 200 m³/ngđ) để phục vụ các điểm dân cư khác.

b) Phát triển ngành xây dựng:

Ngành xây dựng dự báo tăng trưởng với tốc độ khá cao trong kỳ quy hoạch do nhiều công trình sẽ được nâng cấp và xây dựng mới trong giai đoạn này, đặc biệt là phát triển đô thị và phong trào xây dựng Nông thôn mới. Tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng tăng bình quân 17-18%/năm trong giai đoạn 2016-2020.

- Tiến hành thực hiện quy hoạch và từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng nội thị để dần hoàn thiện hạ tầng trung tâm đô thị Con Cuông.

- Đẩy mạnh hoàn thành các dự án hạ tầng chuyển tiếp của giai đoạn trước.

- Xây dựng mới các thị tứ trên địa bàn theo quy hoạch.

- Xây dựng các công trình hạ tầng theo chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng các nhà máy thủy điện theo quy hoạch.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi,...

4. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

4.1. Phát triển giáo dục, đào tạo

- Phần đầu đến năm 2020: tỷ lệ huy động trẻ đến nhà trẻ 30 - 40% và mẫu giáo 90-95% trong đó mẫu giáo 5 tuổi đạt 95-100%.

- Phần đầu huy động 100% trẻ đủ 6 tuổi vào học lớp 1, nâng cao chất lượng dạy và học phần đầu hàng năm tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đạt trên 98%.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng trường lớp và nhà công vụ giáo viên kiên cố, đồ dùng và trang thiết bị dạy học được chuẩn hoá. Phần đầu 100% số trường mầm non, 100% trường tiểu học, 50% trường trung học cơ sở và 50% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

- Tập trung thực hiện Chương trình hành động số 33-CT/TU ngày 18/9/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, gắn với công tác đào tạo bồi dưỡng, đánh giá xếp loại, bố trí, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm.

- Tập trung thực hiện công tác phân luồng và hướng nghiệp sau THCS và PTTH theo Chi thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị để đạt được mục tiêu đề ra.

- Đa dạng hoá các loại hình trường lớp nhằm huy động tối đa số cháu trong độ tuổi đến nhà trẻ, mẫu giáo.

- Đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn Quốc gia, nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện. Xây dựng trường trọng điểm và triển khai thực hiện các cuộc vận động: "2 tốt", "Trường học thân thiện", "Xã hội hoá".

- Xây dựng hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú và trường dân tộc nội trú cho các trường THCS trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh công tác dạy nghề với quy mô và hình thức thích hợp: bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ hoặc gửi đi đào tạo tập trung ở tỉnh, ngoại tỉnh nhằm nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt trên 45%.

- Nâng quy mô đào tạo và chất lượng đào tạo của Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tại Con Cuông (hàng năm đào tạo 1000 - 1500 học sinh), để đáp ứng nhu cầu đào tạo của huyện và vùng Tây Nam. Nâng cao chất lượng giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh để thực hiện phân luồng ngay sau khi học xong THCS, giúp học sinh có điều kiện tốt để vào học THPT hoặc chọn ngành nghề học tiếp sau khi tốt nghiệp.

4.2. Y tế - Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Tập trung đầu tư hoàn thiện để phát triển bệnh viện Tây Nam, nhằm đảm bảo vai trò là trung tâm y tế của vùng Tây Nam Nghệ An. Đồng thời tập trung

củng cố, nâng cấp các trạm y tế xã hiện có về cơ sở vật chất và trang bị y tế, từng bước nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng chuyên môn khám chữa bệnh, đầu tư mua sắm các thiết bị về chẩn đoán và điều trị.

- Phát triển y tế thôn bản theo từng cụm dân cư, chú trọng đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn đảm bảo chế độ phụ cấp ổn định cho đội ngũ cán bộ y tế thôn bản.

- Huy động các nguồn vốn để xây dựng và nâng cấp các trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, phấn đấu hoàn thành mục tiêu này trước năm 2020.

- Hoàn thành mục tiêu đến năm 2020: có 76,9% (10/13 xã) đạt chuẩn quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 15% và đủ điều kiện cơ sở vật chất phục vụ khám và chữa bệnh cho nhân dân; có 85% số hộ được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ bác sỹ, giường bệnh trên 1 vạn dân: 7,0 bác sỹ; 30-32 giường đến năm 2020.

- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ đạt 85% vào năm 2020.

4.3. Phát triển văn hoá, thông tin

- Từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế sự nghiệp văn hoá thông tin gắn với xây dựng thị tứ, các cụm xã, xây dựng và bảo tồn các bản làng văn hoá, gia đình văn hoá theo tiêu chí về xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2020 có 60-65% số làng, bản đạt tiêu chuẩn làng văn hoá; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hoá đạt 65-70%. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh truyền hình, tỷ lệ hộ dân được xem truyền hình, được nghe đài phát thanh đạt 100%. Nâng cao chất lượng, thời lượng phát sóng bằng tiếng dân tộc ít người.

- Bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hoá, chăm lo giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết giúp đỡ trong cuộc sống, trong cộng đồng các dân tộc.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Đẩy mạnh hoạt động xã hội hoá nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội tham gia vào sự nghiệp phát triển ngành văn hoá. Chú trọng công tác trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, các danh lam thắng cảnh, nhằm kết hợp hoạt động văn hoá với du lịch, bảo tồn và phát triển các hoạt động lễ hội truyền thống.

- Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động văn hoá thông tin về cơ sở để nâng cao mức hưởng thụ của nhân dân.

- Hoàn thành xây dựng công trình bảo tồn, tôn tạo nhà cụ Vi Văn Khang.

- Tập trung xây dựng thiết chế văn hoá cho các xã.

4.4. Phát triển thể dục - thể thao

- Phần đầu đến năm 2020: trên 28% dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; tỷ lệ gia đình thể thao khoảng 20-25%; 100% số trường học thực hiện giáo dục thể chất có nền nếp; 90% số trường tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa; 100% cán bộ chiến sỹ trong lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể thao chiến sỹ khỏe.

- Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, đặc biệt là ở các xã, thị trấn, khối xóm. Thành lập các điểm văn hoá ngoài trời kết hợp điểm vui chơi cho trẻ em. Chú ý phát triển các môn thể thao truyền thống, thể thao dân tộc. Đổi mới đầu tư các môn thể thao có thành tích cao, đảm bảo có sự phát triển bền vững. Các trường học phải có khu dành riêng cho giảng dạy các môn thể dục thể thao, có đầy đủ trang thiết bị tập luyện phục vụ cho công tác dạy và học.

- Tập trung hoàn thành xây dựng sân vận động trung tâm huyện;

- Tập trung hoàn thành xây dựng sân vận động hiện có tại các xã, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng nông thôn mới; đồng thời tạo nguồn để xây dựng các sân vận động cho các xã.

4.5. Dân số, lao động, giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo

- Ổn định mức tăng dân dưới 1% trong kỳ quy hoạch. Đẩy mạnh công tác KHHGD, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên. Mục tiêu đến 2020 quy mô dân số đạt 72.890 người.

- Đầu tư, mở rộng sản xuất, mở rộng ngành nghề tạo nhiều việc làm cho người lao động, phần đầu bình quân hàng năm giải quyết việc làm trên 1000 lao động .

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc, gắn công tác định cư với phát triển nông lâm nghiệp.

- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4-5%/năm, đến năm 2020 giảm hộ nghèo xuống dưới 10%.

- Hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển, tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động; phát triển đào tạo nghề tăng cơ hội tìm việc cho người lao động. Từng bước chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng giảm tương đối lao động nông nghiệp tăng tỷ lệ lao động công nghiệp, TTCN và dịch vụ thương mại du lịch và ngành nghề khác.

- Đẩy nhanh công tác đào tạo, dạy nghề, tăng chất lượng lao động nhằm đáp ứng nhu cầu lao động trước mắt và lâu dài. Chăm lo đội ngũ lao động có trình độ và tay nghề cao, thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút người tài và khuyến khích đối với lao động miền xuôi lên công tác.

4.6. Phát triển khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn huyện, tập trung theo hướng tăng năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, góp phần tăng trưởng kinh tế và xoá đói, giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc.

Tập trung nghiên cứu các vấn đề thực tiễn của địa phương, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế – xã hội của Con Cuông, phát huy nhân tố con người và văn hoá các dân tộc tại địa phương.

Chú trọng hướng vào các vấn đề thực tiễn về đánh giá, khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai.

Ưu tiên chuyển giao và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào đời sống và sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản với các tiến bộ về giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, chất lượng tốt. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích các nhà sản xuất đầu tư ứng dụng thành tựu mới về khoa học và công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

5.1. Phát triển hệ thống giao thông

Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông của huyện phải gắn với tổng thể mạng lưới giao thông của tỉnh, của vùng và quy hoạch xây dựng thị xã, thị trấn, thị tứ bảo đảm kết nối một cách thuận tiện, nhanh chóng góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế- xã hội và thực hiện hoá mục tiêu trở thành trung tâm vùng Tây Nam Nghệ An vào năm 2020.

*** Hạ tầng giao thông đường bộ**

Phối hợp triển khai xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông đường bộ, gồm: quốc lộ, tỉnh lộ, giao thông đô thị và giao thông nông thôn kết nối liên vùng.

- *Quốc lộ 7*: Hiện đã được rải nhựa, đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng và cấp IV miền núi; giai đoạn từ nay đến năm 2020 cần duy tu bảo dưỡng tuyến đường.

- *Quốc lộ 48C*: Toàn bộ mặt đường đã được láng nhựa, đạt tiêu chuẩn đường cấp V-MN; giai đoạn 2016-2020 cần duy tu bảo dưỡng tuyến đường và nâng cấp một số đoạn theo quy hoạch với quy mô đường cấp IV – MN.

- *Hệ thống đường huyện*: Tổng cộng 10 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 295 km. Đến năm 2020 tỷ lệ km đường huyện được cứng hoá, đạt tiêu chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT 100%, tối thiểu cấp VI-MN.

- *Quy hoạch xây dựng cầu thay thế các bến đò*: Xây dựng cầu thị trấn qua Sông Lam (xây dựng BTCT dài 200 m, B=9m); Xây dựng cầu Liên Hồng – xã Cam Lâm (xây dựng BTCT dài 120 m, B=7m).

- Hệ thống đường xã:

Nâng cấp cải tạo 25 tuyến đường xã hiện có trên toàn huyện đạt tiêu chuẩn kỹ thuật là đường có cấp theo TCVN.

+ Về cấp quy hoạch: Đến năm 2020 nâng cấp và cải tạo các tuyến đường xã đạt tiêu chuẩn đường cấp VI (TCVN 4054-2005).

+ Về kết cấu mặt đường: Đến năm 2020 tối thiểu 70% đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt tiêu chuẩn đường cấp VI (TCVN 4054-2005).

- Quy hoạch hệ thống đường thôn xóm bản:

Toàn huyện Con Cuông hiện có 138 tuyến với tổng cộng 556,79 km đường thôn xóm bản, trong đó có 37 km đường nhựa và bê tông, còn lại 50 km là đường cấp phối và đường đất. Quy hoạch đến năm 2020 như sau:

+ Về quy mô quy hoạch: Đường giao thông thôn xóm đạt tiêu chuẩn loại A (22TCN 210-92).

+ Về kết cấu mặt đường: Đạt tối thiểu 50% đường thôn, xóm, bản được cứng hóa, nền rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m và Quy hoạch đường giao thông nội đồng đạt tiêu chuẩn loại B nền rộng 4,0m;

- Quy hoạch giao thông nội thị:

Tiếp tục thực hiện theo quy hoạch đã được duyệt tại các Quyết định: đường đô thị quy hoạch đến năm 2020 tại thị trấn Khe Choảng và Trung tâm đô thị Con Cuông...

*** Hệ thống bến xe:**

Nghiên cứu để thực hiện việc xây dựng các bến xe theo Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 30/5/2011 của UBND tỉnh. Huyện Con Cuông sẽ quy hoạch 5 bến xe khách gồm: bến xe trung tâm huyện tại KM 89+900 QL7 A xã Bồng Khê, quy mô loại 3; bến xe xã Châu Khê tại KM 108 QL7 A xã Châu Khê, quy mô loại 4; bến xe xã Mậu Đức, quy mô loại 6; bến xe xã Bình Chuẩn, quy mô loại 6; bến xe xã Môn Sơn, quy mô loại 6. Trong giai đoạn đến năm 2020, nghiên cứu để xây dựng các bến xe trên theo yêu cầu phát triển và tùy thuộc vào nhu cầu vận tải trên địa bàn.

*** Quy hoạch đường tuần tra biên giới và đường ra biên giới:**

Xây dựng tuyến đường tuần tra biên giới và các đường xương cá từ đồn ra dọc biên giới Việt - Lào trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định 313/QĐ-TTg ngày 14/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quy hoạch xây dựng đường tuần tra biên giới).

*** Quy hoạch đường thủy nội địa:**

- Các tuyến đường thủy nội địa, bến khách ngang sông:

+ Tăng cường công tác quản lý các tuyến đường thủy nội địa do huyện quản lý, đầu tư kè chống sạt lở bờ sông bảo vệ công trình giao thông, khu dân cư...

+ Các bến đò khách qua sông: Nâng cấp đảm bảo hoạt động an toàn. Đối với bến có kế hoạch xây dựng cầu, tiếp tục nâng cấp bến cho đến khi các cầu thay thế bến được xây dựng hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

- Đối với bến phục vụ du lịch:

Đầu tư xây dựng nâng cấp bến đò dọc tại đập thủy lợi Phà Lài (xã Môn Sơn, huyện Con Cuông) làm bến du lịch sinh thái rừng quốc gia Pù Mát.

- Quy hoạch các bến thủy phục vụ vận chuyển hàng hoá:

Quy hoạch bến thị trấn Con Cuông: Vị trí khoảng Km165 bờ phải Sông Lam (tại thị trấn Con Cuông). Công trình bến cần đảm bảo độ sâu trước bến và kết cấu công trình đảm bảo tiếp nhận tàu, thuyền trọng tải đến 20 tấn và các thiết bị hoạt động trên bến phù hợp với quy mô khai thác. Bến thị trấn Con Cuông được đầu tư xây dựng để phục vụ cho khu vực, nơi tập kết hàng hoá để thuyền bè nhận và trả hàng đi các huyện dọc sông Lam.

5.2. Phát triển hệ thống thủy lợi

- Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống thủy lợi, đảm bảo đến năm 2020 hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng được các điều kiện tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp, vận hành một cách ổn định, chống xói lở đất và giảm thiểu tác hại từ thiên tai.

- Xây dựng và tu sửa các hệ thống kênh mương thủy lợi, phát triển thủy lợi cho cây trồng cạn (sử dụng giếng khoan); ngoài ra xây dựng Dự án lấy nước tưới cho cây trồng cạn và nước sinh hoạt cho người dân vùng hạ du thủy điện Chi Khê, gồm các xã: Bồng Khê, Yên Khê, Chi Khê và Thị trấn.

- Thường xuyên làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng và xây dựng kè chống sạt lở ven sông, suối để đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ, cung cấp nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

5.3. Cấp nước sạch, thoát nước

a) Về cấp nước:

Với mục tiêu phấn đấu nâng tỷ lệ dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 85% và có 30-35% dân số được dùng nước máy, nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới là:

- Thực hiện điều chỉnh nâng công suất nhà máy nước thị trấn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu thực tế: Nâng cấp công suất nhà máy nước cho thị trấn lên 3.000 - 4.000 m³/ngày- đêm.

- Nghiên cứu để xây dựng mới nhà máy nước Châu Khê đạt công suất 1000 - 1.500 m³/ngày đêm vào năm 2020; nhà máy nước thị tứ Mậu Đức, thị tứ Môn

Sơn mỗi nhà máy đạt $500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm vào năm 2020;

- Đồng thời nâng cấp, tu sửa các công trình nước sinh hoạt tập trung tại các xã.

b) Về thoát nước:

- Tập trung khắc phục các tồn tại của hệ thống cấp nước: Nước thải trước khi ra cống phải được xử lý; bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống thoát nước bao phủ mọi khu vực, chấm dứt thải nước sinh hoạt bằng tự thấm; Đảm bảo trước khi thải ra sông không làm ô nhiễm môi trường.

- Giải quyết triệt để vấn đề thu gom, xử lý rác và các chất thải rắn nhằm làm cho huyện sạch đẹp và có mỹ quan đô thị trên cơ sở cơ giới hóa và hiện đại hóa trang thiết bị và nâng cao ý thức tự giác "không xả rác bừa bãi" của mọi người dân.

5.4. Hệ thống truyền tải và phân phối điện

Đến năm 2020, dự báo nhu cầu: Công suất cực đại $P_{\max} = 11,6 \text{ MW}$, điện thương phẩm 44,7 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng bình quân điện thương phẩm giai đoạn 2016-2020 là 15,4%; điện thương phẩm bình quân trên người là 522,8kWh/người/năm.

- Trong giai đoạn đến năm 2020 cần xây dựng mới trên 50 km đường dây 35 Kv và cải tạo trên 19 km. Xây dựng mới 53 trạm biến áp phân phối với công suất 5.230 Kva. Xây mới trên 106 km đường dây hạ áp; đồng thời lắp đặt mới và thay thế 2.800 cái công tơ. Sau năm 2020, tiếp tục đầu tư nâng cấp, làm mới các đường dây, các trạm theo nhu cầu dùng điện.

- Cải tạo đường dây hạ áp đã cũ nát, để giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất kỹ thuật lưới hạ áp. Khu đô thị, đông dân cư có thể dùng dây ABC, vùng nông thôn dùng dây đồng hoặc dây nhôm.

- Hoàn thành việc kéo điện cho các thôn, bản còn lại chưa có điện lưới quốc gia. Hoàn thành xây dựng nhà máy thủy điện Chi Khê công suất 41MW. Tiếp tục hoàn thành dự án xây dựng nhà máy thủy điện Khe Thơi, công suất 23MW.

5.5. Về hạ tầng thông tin, truyền thanh và truyền hình

- Phát triển mạng thông tin liên lạc hiện đại và đồng bộ, đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong hệ thống lãnh đạo và quản lý. Phát triển truyền hình cáp, truyền hình kỹ thuật số đến tất cả các xã.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử và phát triển mạng lưới truyền thanh cơ sở đến cấp xã, khối đảm bảo thông tin đến mọi người dân ở các vùng, đặc biệt là vùng khó khăn.

- Xây dựng các trạm phát lại truyền hình xã Môn Sơn, Bình Chuẩn, Châu Khê và Thạch Ngàn. Lắp đặt các máy phát sóng FM và 100 cụm thu phát sóng tự

động FM, đảm bảo phủ sóng đến tận các thôn, bản. Phần đầu diện tích phủ sóng truyền hình đạt 100%.

6. Định hướng bảo vệ môi trường và các giải pháp giảm thiểu nguy cơ suy giảm môi trường

Các định hướng chính đối với bảo vệ môi trường huyện Con Cuông là: bảo vệ chất lượng nước, không khí, đất; bảo vệ môi trường khu du lịch; bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên ở trong rừng và cửa sông

Đảm bảo vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm thiên tai. Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả cảnh báo và tăng diện phục vụ. Tăng cường đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác này. Thực hiện định kỳ diễn tập phòng chống lụt bão, chống cháy rừng.

7. Phát triển kinh tế- xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh

Con Cuông là địa bàn giáp biên giới, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của tỉnh, do đó công tác quốc phòng, an ninh có một vai trò rất quan trọng.

Đấu tranh có hiệu quả âm mưu “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Thường xuyên thông tin cho đồng bào các dân tộc hiểu rõ đường lối chính sách của Đảng và nhà nước về kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh. Tiếp tục bổ sung và triển khai phương án phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc trong mọi tình huống. Tổ chức xây dựng xã an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu.

VI. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

1. Không gian phát triển đô thị

Để thuận lợi trong công tác đầu tư phát triển thành thị xã; dự kiến phân ra 2 khu vực:

* **Khu vực trung tâm đô thị:** gồm Thị trấn và xã Bồng Khê (theo Đề án đã trình Bộ Nội vụ bao gồm Thị trấn và 6 thôn của xã Bồng Khê, tổng diện tích tự nhiên 1.047,5 ha, dân số 9.199 người).

* **Khu vực ngoài trung tâm:** gồm các xã còn lại (theo Đề án đã trình Bộ Nội vụ, tổng diện tích tự nhiên 172.783,5 ha, dân số 63.691 người).

Định hướng phát triển các khu vực :

- Tiếp tục coi trọng phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn, trước hết phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung nguồn lực phát triển khu vực trung tâm, từng bước xây dựng hạ tầng đồng bộ, thu hút dự án đầu tư, tạo động lực mới đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Từng bước xây dựng để đạt tiêu chí đô thị loại 4 và hình thành cơ bản các yếu tố đô thị sinh thái sau này.

2. Phát triển các tiểu vùng kinh tế

Căn cứ vào địa hình, đặc điểm sinh thái và tiềm năng phát triển kinh tế, trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2020, định hướng sẽ xây dựng huyện Con Cuông theo hướng phát triển đô thị sinh thái, nên việc phân chia các tiểu vùng như trước đây không còn phù hợp, cần phải tổ chức lại và dự kiến phân làm 3 tiểu vùng như sau:

* **Vùng Trung Tâm:** Gồm thị trấn Con Cuông và các xã Yên Khê, Bồng Khê. Có diện tích tự nhiên 15.553,59 ha. Quy mô dân số đến năm 2020, được xác định là 2,0 -3,0 vạn người, nhu cầu đất xây dựng 800 - 1.000 ha.

Vùng có đất đai bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển đặc biệt là hệ thống giao thông, điện nước. Tốc độ đô thị hóa của vùng sẽ nhanh hơn các vùng khác, dân cư ở đô thị chiếm tỉ trọng lớn. Vùng này sẽ xây dựng Thị trấn Con Cuông là đô thị trung tâm bao gồm chức năng trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của toàn huyện.

* **Tiểu vùng hữu ngạn sông Cả:** Gồm thị trấn Khe Choăng (theo Quy hoạch đô thị Con Cuông) và 5 xã Môn Sơn, Lục Dạ, Châu Khê, Chi Khê, Lạng Khê. Có diện tích tự nhiên 107.376,78 ha. Đây là tiểu vùng trọng điểm lúa của huyện, vùng rừng nguyên sinh chính yếu của Vườn gia Pù Mát, có nhiều tiềm năng cho phát triển du lịch thương mại, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; phát triển cây chè, cây ăn quả, chăn nuôi trâu bò...

* **Tiểu vùng tả ngạn sông Cả:** Gồm 5 xã: Cam Lâm, Đôn Phục, Mậu Đức, Thạch Ngàn, Bình Chuẩn; diện tích tự nhiên 50.900,75 ha, Vùng này có tiềm năng cho phát triển kinh tế vườn hộ theo mô hình nông lâm kết hợp bằng các tập đoàn cây trồng cận như: ngô, lạc, mía, chè công nghiệp, cây ăn quả. Chăn nuôi trâu, bò, dê và đồng thời phát triển các cây nguyên liệu giấy, sắn, mía, cây lâm nghiệp quý hiếm...

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các chương trình, đề án

- Quy hoạch xây dựng Con Cuông thành đô thị sinh thái.
- Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu.
- Đề án phát triển một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực.
- Đề án phát triển dược liệu.
- Đề án phát triển du lịch.
- Đề án xây dựng nông thôn mới.
- Đề án (hoặc dự án) phát triển vật liệu không nung.

2. Danh mục các dự án ưu tiên theo ngành và lĩnh vực đến năm 2020
(có phụ biểu kèm theo)

VII. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch giai đoạn 2016-2020 khoảng 9.312 tỷ đồng. Đây là một nhu cầu rất lớn, để huy động được các nguồn vốn đầu tư phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, nhiệm vụ cần tập trung:

- Thực hiện chế độ công khai, minh bạch hoá, ổn định chính sách thu hút đầu tư nhằm tạo lòng tin với các nhà đầu tư. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng. Có chính sách khuyến khích huy động các nguồn lực, tài sản, tiền của nhân rỗi trong xã hội đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Tỉnh đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu các tiềm năng, thế mạnh của huyện. Xây dựng danh mục các dự án khuyến khích kêu gọi đầu tư với những thông tin đầy đủ làm cơ sở cho các doanh nghiệp tìm hiểu cơ hội đầu tư.

- Tập trung vốn đầu tư từ ngân sách cho các công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm. Huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển hạ tầng. Đẩy mạnh xã hội hoá trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao. Xây dựng các chương trình, dự án có tính khả thi cao để tranh thủ hỗ trợ của Tỉnh, của Trung ương và các nguồn hỗ trợ từ nước ngoài.

2. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh xã hội hoá và mở rộng hợp tác về công tác đào tạo, đào tạo lại. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước cấp huyện và cấp xã, phường.

- Đa dạng hoá hình thức đào tạo phù hợp với từng đối tượng và định hướng phát triển kinh tế -xã hội của huyện, tập trung vào các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Có chính sách hấp dẫn để khuyến khích đội ngũ lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi. Thu hút các chuyên gia, lao động trình độ cao từ bên ngoài vào những lĩnh vực ưu tiên mà lực lượng tại chỗ còn thiếu.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quyết định 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Có chính sách khuyến khích đầu tư nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

- Rà soát, lựa chọn để đầu tư mở rộng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ đã có hiệu quả trên địa bàn, tạo ra sản phẩm hàng hoá.

- Lựa chọn theo thứ tự ưu tiên cho những nhà đầu tư có công nghệ tiên tiến trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư đăng ký cùng một danh mục dự án đầu tư.

- Mở rộng quan hệ hợp tác phát triển khoa học, công nghệ để tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ trong các lĩnh vực đào tạo, quản lý, ứng dụng, đổi mới công nghệ.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tăng cường và đa dạng hoá các hoạt động xúc tiến đầu tư, đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển một số lĩnh vực then chốt, chính sách phát triển khu vực động lực về kinh tế, phát triển dịch vụ, du lịch. Xây dựng chương trình, dự án kêu gọi đầu tư.

- Hỗ trợ hình thành và phát triển những ngành công nghiệp - TTCN mới của huyện, những ngành có khả năng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là công nghiệp khai thác, chế biến, TTCN và các làng nghề theo các chương trình, kế hoạch cụ thể. Ưu tiên vốn đầu tư phát triển những ngành này.

- Xã hội hoá xây dựng kết cấu hạ tầng, các cơ sở dịch vụ và các cơ sở chế biến trên địa bàn huyện. Đề nghị miễn giảm thuế đối với các dự án sử dụng công nghệ cao, chế biến sâu, hướng tới xuất khẩu, trong sản xuất, kinh doanh, đầu tiên là trong ngành nông nghiệp.

- Xây dựng một số mô hình liên kết hợp tác trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm giữa các cơ sở: sản xuất, nghiên cứu ứng dụng, chế biến, thương mại, du lịch.

5. Giải pháp về phối hợp, hợp tác với bên ngoài

- Phối hợp, liên kết trong phát triển kết cấu hạ tầng: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường kết nối Con Cuông với Thành phố Vinh; nối Con Cuông với các huyện vùng Tây Bắc Nghệ An và các huyện lân cận.

- Hợp tác xây dựng các tour du lịch: Liên kết phát triển các tuyến du lịch nối các điểm du lịch của Con Cuông với các điểm du lịch trong vùng Tây Nam và ngoài vùng: Cửa Lò, Đảo Ngư, Nghi Xuân, Khu di tích Kim Liên, Bãi Lữ...

- Hợp tác trong các lĩnh vực văn hoá- xã hội

- Liên kết đào tạo nghề, hợp tác trong y tế...

- Đẩy mạnh giao lưu văn hoá, thể thao giữa các dân tộc tạo mối quan hệ đoàn kết và phát triển.

- Hợp tác trong lĩnh vực thương mại với các huyện lân cận như: Tương Dương, Anh Sơn, các huyện của nước bạn Lào thông qua cửa khẩu Nậm Cắn huyện Kỳ Sơn... các huyện vùng Tây bắc như Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn thông qua đường quốc lộ 48 C...cùng hợp tác phát triển, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của vùng Tây Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông:

- Sau khi điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Con Cuông đến năm 2020 được phê duyệt, tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện để tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở, Ban, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng các quy hoạch ngành, lĩnh vực đồng bộ và phù hợp; lựa chọn các chương trình dự án ưu tiên để đưa vào kế hoạch 5 năm và hàng năm; đề xuất các cơ chế, chính sách để thực hiện quy hoạch.

2. Các Sở, Ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông trong việc thực hiện quy hoạch đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Con Cuông với quy hoạch, định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND huyện Con Cuông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Huyện ủy-HĐND-UBND huyện Con Cuông;
- Đoàn quy hoạch Nông nghiệp và Thủy Lợi;
- Lưu: VT, TH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
ĐẾN NĂM 2020 CỦA HUYỆN CON CUÔNG**

(Kèm theo Quyết định 140/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên công trình, dự án
I	CÁC DỰ ÁN DO TỈNH VÀ HUYỆN QUẢN LÝ THỰC HIỆN
1	Quy hoạch chung xây dựng huyện Con Cuông thành thị xã theo hướng DT sinh thái
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị đợt đầu
3	Quy hoạch và xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Yên Khê
4	Quy hoạch xây dựng phát triển du lịch
5	Quy hoạch xây dựng các thị tứ và trung tâm các xã
7	Nâng cấp và xây mới hệ thống chợ nông thôn
8	Xây dựng công viên sinh thái vùng Tây Nam
9	Xây dựng các tuyến giao thông trục chính theo quy hoạch chi tiết đô thị đợt đầu
-	Đường đô thị Con Cuông từ Quốc lộ 7A vào Khu công nghiệp nhỏ
-	Tiếp tục xây dựng đường giao thông từ QL 7A vào Bệnh viện vùng Tây Nam Nghệ An
-	Tiếp tục xây dựng đường giao thông từ QL 7A đến khu dân cư cao tầng
-	Đường nối Quốc lộ 7A đi Sân vận động huyện
-	Đường giao thông từ quốc lộ 7A đến đường đi thác Kềm, xã Bồng Khê, huyện Con Cuông
-	Đường khu đất văn phòng đến quảng trường, khu trung tâm đô thị Con Cuông
-	Xây dựng cầu cứng qua sông Lam đi Thanh Nam
10	Xây dựng sân vận động huyện
11	Xây dựng trung tâm văn hoá theo quy hoạch chi tiết đô thị đợt đầu
12	Xây dựng hạ tầng khu nghĩa trang theo quy hoạch chi tiết đô thị đợt đầu
13	Xây dựng bãi xử lý rác thải tập trung theo quy hoạch chi tiết đô thị đợt đầu
14	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho khu vực trung tâm đô thị
15	Tiếp tục hoàn thành xây dựng đường giao thông từ thị trấn Con Cuông đi xã Bình Chuẩn
16	Đường giao thông từ xã Mậu Đức đi xã Thạch Ngán, huyện Con Cuông
17	Đường giao thông từ trung tâm xã Đôn phục đến trung tâm xã Cam Lâm
18	Đường giao thông đến trung tâm xã Châu Khê, huyện Con Cuông
19	Đường cứu hộ, cứu nạn cho vùng tả ngạn Sông Lam qua các xã Bồng Khê, Chi Khê, Cam Lâm và Lạng Khê huyện Con Cuông
20	Đường giao thông từ bản Mọi đến đường đi thác Kềm, xã Lục Dạ
21	Đường vào trung tâm xã Môn Sơn đến bản Cò Phạt xã Môn Sơn, huyện Con Cuông và đoạn bổ sung xuống làng Yên, xã Môn Sơn
22	Xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Con Cuông

24	Nghiên cứu để xây dựng mới, nâng cấp các công trình thủy lợi trọng điểm theo quy hoạch
25	Nghiên cứu để xây dựng mới, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt theo quy hoạch
26	Nghiên cứu để xây dựng một số đoạn kè chống sạt lở ở hai bên bờ sông Lam và sông Giảng
27	Xây dựng hệ thống điện cho khu vực đô thị và các bản chưa có điện
28	Bảo tồn và tôn tạo di tích lịch sử nhà cụ Vi Văn Khang
29	Xây dựng trung tâm văn hóa thị xã
30	Khu công viên văn hóa, thể dục thể thao theo quy hoạch đô thị đợt đầu
31	Xây dựng thiết chế văn hóa cho các xã đạt tiêu chí nông thôn mới theo lộ trình
32	Trung tâm y tế huyện theo quy hoạch chi tiết đô thị đợt đầu
II CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
1	Dự án trồng và chế biến Chè chất lượng cao
2	Dự án trồng rừng chế biến gỗ nguyên liệu
3	Dự án trồng cây ăn quả: cam, chanh
4	Trồng cây dược liệu
5	Nhà máy gạch không nung
6	Nhà máy gạch tuynel
7	Xây dựng thủy điện Khe Choảng
8	Xây dựng thủy điện Khe Thơi
9	Xây dựng thủy điện Chi Khê
10	Xây dựng trung tâm thương mại thị trấn
11	Xây dựng siêu tổng hợp
12	Xây dựng Trung tâm mua sắm
13	Xây dựng bên xe trung tâm huyện
14	Tổ hợp dịch vụ thương mại và nhà ở tổng hợp Tecco
15	Du lịch Thác Kèm
16	Xây dựng hạ tầng vườn Quốc gia Pù Mát gắn với phát triển du lịch
17	Khu nghỉ dưỡng Du lịch sinh thái Phà Lại
18	Du lịch Khe Mọc
19	Du lịch bia Ma Nhai (hang Ông Trọng)

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, địa điểm, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.